

TOÀ ÁN NHÂN DÂN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HUYỆN BÌNH GIANG

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỈNH HẢI DƯƠNG

Bản án số 36/2017/HSST

Ngày 10-8-2017

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Cường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đình Mạnh và ông Nguyễn Đức Đông.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Vũ Cao Nguyên – Thư ký TAND huyện Bình Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số 31/2017/HSST ngày 31 tháng 5 năm 2017 đối với:

1. Các bị cáo:

1.1. Nguyễn Công T, sinh năm 1989.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh T. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá 8/12;

Con ông Nguyễn Công T và bà Nguyễn Thị L. Có vợ là Phạm N A.

Tiền sự: Không

Có 02 tiền án:

Tại bản án số 20/2012/HSST ngày 27/6/2012 của TAND huyện Ninh Giang xử phạt Nguyễn Công T 27 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma T1y.

Tại bản án số 28/2014/HSST ngày 25/9/2014 của TAND huyện Ninh Giang xử phạt Nguyễn Công T 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 23/7/2015, bị cáo T chấp hành xong hình phạt của bản án.

Bị cáo bị tạm giam tại trại tạm giam Kim Chi thuộc Công an tỉnh Hải Dương kể từ ngày 19/3/2017.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

1.2. Nguyễn Công T1, sinh năm 1988.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh T.
Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12. Con ông Nguyễn Công T và bà Nguyễn Thị N. Có vợ là Vũ Thị T và 2 con.

Tiền sự, tiền án: Không.

Bị cáo T hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Kim Chi thuộc Công an tỉnh Hải Dương trong vụ án khác.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

1.3. Đỗ Đình N, sinh năm 1989.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn A, xã H, huyện N, tỉnh H.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa 3/12,

Con ông Đỗ Đình V (đã chết) và bà Bùi Thị B (đã chết).

Có vợ là Nguyễn Thị N và hai con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo N hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Kim Chi thuộc Công an tỉnh Hải Dương trong vụ án khác.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Người bào chữa cho bị cáo Đỗ Đình N: Ông Phạm Văn Điều - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hải Dương.

Ông Điều có mặt tại phiên tòa.

3. Người bị hại: Chị Ngô Thị M, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn P, xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Chị M vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

4. Người làm chứng: Chị Vũ Thị T, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh T.

Chị T có mặt tại phiên tòa.

NHẬN THẤY

Các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 27/02/2017, Nguyễn Công T1 đi xe máy nhãn hiệu Wave không rõ biển kiểm soát chở Đỗ Đình N và Nguyễn Công T đi từ nhà N ở Ninh Giang đến huyện Bình Giang để trộm cắp xe máy. Khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, khi đi đến đoạn đường cánh đồng thôn P, xã V, huyện B thì T nhìn thấy xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius BKS 89B1-148.89 của chị Ngô Thị M,

sinh năm 1986 ở thôn P, xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương dựng ở rìa đường không có người trông giữ, T nói “Quay lại lấy xe đó”. Do T1 có vợ là người ở thôn M, xã T, huyện B, gần khu vực chị M dựng xe máy, T1 sợ nếu trực tiếp tham gia trộm cắp xe sẽ bị người khác quen biết phát hiện, nên T1 điều khiển xe đến tỉnh lộ 392 rồi xuống xe đứng đợi, còn N điều khiển xe của T1 chờ T quay lại chỗ xe máy của chị M. N đứng cạnh giới để T dùng vạm đem theo phá khóa điện xe máy, rồi T điều khiển xe máy của chị M, N điều khiển xe của T1 cùng đi ra đường tỉnh lộ 392 đón T1. T1 lên xe N chờ và cả ba đi theo hướng Thanh Miện xuống huyện Ninh Giang tìm người tiêu thụ. Khi đi đến đoạn đường vắng cả ba dừng lại, T dùng tay tháo hai gương chiếu hậu chiếc xe của chị M, T1 mở cốp xe máy của mình lấy một cái cà lê đưa cho N để N tháo tiếp biển số xe rồi vứt hai gương, biển số xe tại đó, còn cà lê T1 cất vào trong cốp xe của T1. Cả ba tiếp tục đi tìm chỗ tiêu thụ xe nhưng không tìm được nên T1, N về nhà, còn T dùng xe máy trộm cắp được đi chơi điện tử. Khoảng 9 giờ ngày 28 tháng 2 năm 2017 T, N, T1 cùng nhau mang xe đến nhà anh Vũ Văn A sinh năm 1981, ở thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương bán với giá 1.500.000đ, chia nhau mỗi người 500.000 đồng và chỉ tiêu hết.

Tại kết luận số 2/HĐĐGTS ngày 16 tháng 3 năm 2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bình Giang kết luận chiếc xe máy của chị M trị giá 8.000.000đ

Quá trình điều tra cơ quan công an huyện Bình Giang đã quản lý xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius do anh Vũ Văn A giao nộp; đối với hai gương chiếu hậu, biển số xe, vạm phá khóa các bị cáo đã vứt trên đường đi tiêu thụ xe máy trộm cắp, chiếc xe máy Wave không rõ biển kiểm soát T1 dùng làm phương tiện chở T và N đi trộm cắp tài sản và chiếc cà lê dùng để tháo biển số xe của chị M, T1 đã bán cho người không biết tên, tuổi, địa chỉ nên cơ quan điều tra không thu giữ được. Chiếc xe máy Yamaha Sirius đã được cơ quan điều tra công an huyện Bình Giang trả lại cho chị M.

Tại bản cáo trạng số 25/VKS-HS ngày 29 tháng 5 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang đã truy tố bị cáo Nguyễn Công T về tội Trộm cắp tài sản theo điểm c khoản 2 điều 138 của Bộ luật Hình sự, truy tố các bị cáo Nguyễn Công T1, Đỗ Đình N về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự;

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố tại bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Công T, Nguyễn Công T1, Đỗ Đình N phạm tội Trộm cắp tài sản.

Áp dụng: điểm c khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1; khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 33; Điều 53 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo T từ 24 tháng tù đến 27 tháng tù. Thời hạn tính từ ngày 19/3/2017.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 33; Điều 53 của Bộ luật Hình sự 1999. Áp dụng khoản 3 Điều 7 của Bộ luật hình sự 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội đối với bị cáo Nguyễn Công T1.

Xử phạt bị cáo T1 từ 10 tháng tù đến 12 tháng tù. Thời hạn tính từ ngày bắt thi hành án.

Xử phạt bị cáo N từ 10 tháng tù đến 12 tháng tù. Thời hạn tính từ ngày bắt thi hành án .

Về hình phạt bổ sung: các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định và không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

Về trách nhiệm dân sự: Không phải giải quyết.

Về vật chứng và biện pháp tư pháp:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự, truy thu sung quỹ số tiền 600.000 đồng có được do bị cáo T1 đã bán chiếc xe máy là phương tiện chở các bị cáo đi trộm cắp tài sản.

Về án phí: Áp dụng điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai ngày 27 tháng 2 năm 2017 đã thực hiện hành vi chiếm đoạt xe máy của chị Ngô Thị M, như nội dung được mô tả trong bản cáo trạng.

Người bị hại là chị Ngô Thị M trong quá trình điều tra khai xe máy bị trộm cắp tại cánh đồng xã Vĩnh Hồng là của riêng chị, chị đã nhận lại tài sản và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho 3 bị cáo.

Chị Vũ Thị T (là vợ bị cáo T1) khai không biết gì về chiếc xe của bị cáo T1 đã sử dụng để chở bị cáo T và N đi trộm cắp xe máy của chị M, chị xác định đó là tài sản của riêng bị cáo T1.

Người bào chữa cho bị cáo Đỗ Đình N có quan điểm: Xác định Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang truy tố bị cáo Đỗ Đình N về hành vi phạm tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự là đúng với hành vi của bị cáo đã thực hiện. Tuy nhiên thấy rằng:

Vai trò của bị cáo N là thứ yếu trong vụ án; chị M có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bố mẹ bị cáo mất sớm, bị cáo chỉ được học đến lớp 3 do hoàn cảnh khó khăn, dẫn đến có phần hạn chế về nhận thức, nên đề nghị Hội đồng xét xử xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp hơn mức đề nghị của Viện kiểm sát. Gia đình bị cáo N thuộc hộ nghèo, đề nghị HĐXX miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện

chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời trình bày của các bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác,

XÉT THẤY

Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, với lời khai của người bị hại, và những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 15 giờ 30 phút ngày 27 tháng 2 năm 2017, các bị cáo Nguyễn Công T, Nguyễn Công T1 và Đỗ Đình N lợi dụng việc chị Ngô Thị M dựng xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius biển kiểm soát 98 B1- 148.89, trị giá 8.000.000đ ở đoạn đường thuộc cánh đồng thôn P, xã V, huyện B và sơ hở trong việc trông giữ, đã lén lút dùng vạm phá khóa, phá ổ khóa điện, chiếm đoạt chiếc xe máy sau đó đem đi tiêu thụ.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được luật Hình sự bảo vệ. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội khi nhận thức rõ hậu quả xảy ra, là có lỗi cố ý. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản.

Đối với bị cáo Nguyễn Công T đã phạm tội trong trường hợp tái phạm tại bản án của Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, chưa được xóa án tích, lần này lại phạm tội do cố ý nên hành vi của bị cáo T được xác định là tái phạm nguy hiểm, vi phạm quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự;

Đối với Nguyễn Công T1, Đỗ Đình N vi phạm quy định tại khoản 1 điều 138 của Bộ luật Hình sự.

Do vậy, Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an trên địa bàn, gây nên tâm trạng lo lắng trong nhân dân.

Về vai trò của từng bị cáo trong thực hiện tội phạm: Trong vụ án này các bị cáo cùng thống nhất với nhau về việc sẽ đi trộm cắp tài sản, tuy nhiên không có sự phân công cụ thể nhiệm vụ của từng người và cũng không xác định cụ thể là sẽ chiếm đoạt tài sản của ai, ở đâu mà có ý thức gặp tài sản ở đâu sơ hở thì chiếm đoạt, nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Nguyễn Công T là người chuẩn bị vạm phá khóa, đề xuất việc trộm cắp xe máy khi nhìn thấy xe máy của chị Ngô Thị M, trực tiếp phá ổ khóa điện, điều khiển chiếc xe máy của chị M từ chỗ chị M dựng xe đi về huyện Ninh Giang tiêu thụ, nên T giữ vai trò người khởi xướng và người thực hành tích cực nhất. Bị cáo N trực tiếp tham gia việc chiếm đoạt xe máy cùng T bằng cách đứng canh giới cho T phá khóa xe, sau đó tháo biển kiểm soát xe máy, liên hệ tìm người tiêu thụ xe; Bị cáo T1 dùng xe máy của mình chở N, T đi tìm nơi có tài sản có sơ hở trong trông giữ để trộm cắp và đứng ngoài đợi N, T trộm cắp xe máy và cùng đem xe trộm cắp được đi tiêu thụ nên T1, N cùng giữ vai trò ngang nhau, sau T trong vụ án.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm p khoản 1, khoản 2 điều 46 của Bộ luật Hình sự.

Về nhân thân, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

- Bị cáo Nguyễn Công T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Bị cáo Đỗ Đình N không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng có nhân thân không tốt:

Tại bản án số 17/2008/HSST ngày 13/6/2008 của TAND huyện Ninh Giang xử phạt Đỗ Đình N 07 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (Bị cáo chấp hành xong hình phạt kể từ ngày 05/9/2008).

Tại bản án số 37/2011/HSST ngày 02/12/2011 của TAND huyện Ninh Giang xử phạt Đỗ Đình N 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

Tại bản án số 01/2012/HSST của TAND huyện Ninh Giang xử phạt Đỗ Đình N 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Tổng hợp với hình phạt của bản án số 37/2011/HSST ngày 02/12/2011 của TAND huyện Ninh Giang, buộc chấp hành hình phạt chung là 24 tháng tù. Bị cáo chấp hành xong hình phạt của bản án kể từ ngày 19/6/2013.

Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 43/QĐ/XPVPHC ngày 18/11/2014 của Công an tỉnh Hải Dương xử phạt N 1.500.000 đồng về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma T1y. Bị cáo đã nộp phạt ngày 14/11/2014.

- Bị cáo Nguyễn Công T1 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng có nhân thân không tốt:

Tại bản án số 44/2008/HSST ngày 29/7/2008 của TAND thị xã Đông Hà, tỉnh Quảng Trị xử phạt Nguyễn Công T1 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

Tại bản án số 75/2016/HSST ngày 13/7/2016 của TAND tỉnh Quảng Ninh xử phạt Nguyễn Công T1 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng, tính từ ngày 13/7/2016 về tội Vi phạm các quy định về khai thác tài nguyên. Hành vi bị kết án là khai thác than không có giấy phép, giá trị than bị khai thác, chiếm đoạt là 55.805.000 đồng. Theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Hình sự 2015 về tội Vi phạm quy định về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên, đã được sửa đổi bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 ngày 20/6/2017, thì hành vi phạm tội tại bản án hình sự sơ thẩm của TAND tỉnh Quảng Ninh của T1 đến nay không bị coi là tội phạm. Vì vậy, áp dụng khoản 3 Điều 7 của Bộ luật hình sự 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội, bị cáo T1 được xóa án tích đối với bản án hình sự của TAND tỉnh Quảng Ninh, nên không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm, quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự, nhưng bị cáo vẫn bị coi là có nhân thân không tốt.

Ngoài ra, các bị cáo T, T1, N đều đang bị các cơ quan tố tụng có thẩm quyền xem xét, xử lý về các hành vi vi phạm pháp luật ngoài địa bàn huyện Bình Giang, nhưng đến nay chưa có kết quả giải quyết.

Xét tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, vai trò của từng bị cáo trong thực hiện tội phạm, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy rằng, cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo ở mức nghiêm, mới đảm bảo tác dụng giáo dục riêng với các bị cáo và phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: các bị cáo không có nghề nghiệp, không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

Đối với anh Vũ Văn Anh, là người mua xe máy của các bị cáo, vắng mặt tại địa phương, cơ quan điều tra chưa làm rõ được hành vi tiêu thụ tài sản của Vũ Văn Anh. Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ, nếu có căn cứ sẽ xử lý sau.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Ngô Thị M đã nhận lại được tài sản là chiếc xe máy, không có yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm khoản tiền nào nên vấn đề trách nhiệm dân sự không phải giải quyết.

Các bị cáo khai bán xe máy trộm cắp của chị M cho anh Vũ Văn Anh được 1.500.000 đồng và đã chia nhau mỗi người được 500.000 đồng rồi tiêu hết. Anh Vũ Văn Anh có lời khai xác định đây là tiền cho các bị cáo vay. Cơ quan điều tra đã triệu tập, nhưng do anh Anh vắng mặt tại địa phương, cơ quan điều tra chưa làm rõ được là số tiền trên là tiền các bị cáo vay hay là tiền do bán xe trộm cắp mà có, nên chưa có đủ căn cứ xem xét, xử lý.

Đối với chiếc xe mà Nguyễn Công T1 dùng để chở T và N đi trộm cắp xe máy của chị M, là tài sản riêng của bị cáo T1, T1 đã bán xe cho người không quen biết, được 600.000 đồng và chi tiêu hết. Xác định đây là tiền liên quan đến tội phạm, cần áp dụng điểm a khoản 1 Điều 41 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự, truy thu của T1 600.000 đồng, buộc bị cáo nộp số tiền này sung quỹ nhà nước.

Về án phí: Các bị cáo phạm tội nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định. Riêng bị cáo N, do thuộc diện hộ nghèo và có đề nghị được miễn án phí hình sự sơ thẩm, nên Hội đồng xét xử miễn cho bị cáo N nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. **Về tội danh:** Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Công T, Nguyễn Công T1, Đỗ Đình N phạm tội Trộm cắp tài sản.

2. **Về hình phạt:** Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 33; Điều 53 của Bộ luật Hình sự đối với Nguyễn Công T;

Xử phạt Nguyễn Công T 27 (hai mươi bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 19/3/2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 33; Điều 53 của Bộ luật Hình sự đối với Nguyễn Công T1 và Đỗ Đình N.

Áp dụng khoản 3 Điều 7 của Bộ luật hình sự 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội đối với bị cáo Nguyễn Công T1.

Xử phạt Nguyễn Công T1 10 (mười) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Xử phạt Đỗ Đình N 10 (mười) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Về vật chứng và biện pháp tư pháp: áp dụng điểm a Điều 41 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Truy thu của bị cáo Nguyễn Công T1 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng sung quỹ nhà nước.

4. Về án phí: Áp dụng điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Công T, Nguyễn Công T1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Đỗ Đình N được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bào chữa cho bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Bình Giang;
- Công an huyện Bình Giang;
- Chi cục THADS huyện Bình Giang;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Hải Dương;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu HSVA;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Nguyễn Văn Cường